

Số: 130 TCKT/CTĐS
(Về việc: Giải trình và làm rõ một số nội
dung liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2017)

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2018



Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Theo khoản 4, Điều 11 về việc công bố thông tin định kỳ, Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt giải trình nguyên nhân Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ tài năm 2017 giảm so với cùng kỳ năm 2016 và số liệu kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán như sau:

1. Giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế năm 2017 giảm trên 10% so với cùng kỳ năm 2016:

1.1 Đối với hoạt động SXKD của Công ty mẹ:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Tỷ lệ	
				Tăng	Giảm
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	211,697,743,676	379,399,835,498		44%
2	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	211,697,743,676	379,399,835,498		44%
3	Giá vốn hàng bán	177,166,419,431	326,776,552,909		46%
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34,531,324,245	52,623,282,589		34%
5	Doanh thu hoạt động tài chính	9,085,021,326	14,400,602,975		37%
6	Chi phí tài chính	29,186,226,098	19,725,050,085	48%	
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	36,052,673,575	42,726,620,677		16%
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(21,622,554,102)	4,572,214,802		573%
9	Thu nhập khác	286,170,550	5,931,501,723		95%
10	Chi phí khác	93,406,137	2,524,542,012		96%
11	Lợi nhuận khác	192,764,413	3,406,959,711		94%
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(21,429,789,689)	7,979,174,513		369%
13	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(21,429,789,689)	7,979,174,513		369%

Nguyên nhân giảm doanh thu và lợi nhuận sau thuế:

- Doanh thu hoạt động tài chính trong năm 2017 giảm 37% là do nguyên nhân các Công ty Cổ phần là công ty con hoạt động SXKD không đạt được chỉ tiêu lợi nhuận theo nghị quyết của Đại hội cổ đông đề ra. Do đó cổ tức thu được từ các Công ty con giảm dẫn đến doanh thu hoạt động tài chính giảm so với cùng kỳ năm 2016.

- Chi phí tài chính trong năm 2017 tăng 48% so với năm 2016 là do hoạt động SXKD của Công ty 798 và Công ty 875 bị lỗ, dẫn đến Công ty mẹ phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn với số tiền là 10.801.175.458 đồng.

- Theo báo cáo tài chính lập tại thời điểm ngày 31/12/2017, vốn của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đang sở hữu là 48,04%. Do đó theo Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu tại khoản 4, Điều 2 “Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu” thì Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt không được tham gia đấu thầu các dự án công trình thuộc ngành đường sắt (theo quy định phải dưới 30% thì được tham gia đấu thầu).

Với nguyên nhân chủ yếu trên, Công ty không tìm kiếm được việc làm, không được tham gia đấu thầu các dự án thuộc ngành đường sắt. Do đó tổng doanh thu giảm 44% dẫn đến lỗ hoạt động SXKD trong năm 2017.

1.2 Báo cáo kết quả hoạt động SXKD hợp nhất toàn Tổng công ty:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Tỷ lệ	
				Tăng	Giảm
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	563,237,830,919	665,573,716,996		15.38%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	31,851,901		100.00%
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	563,237,830,919	665,541,865,095		15.37%
4	Giá vốn hàng bán	480,126,575,614	532,861,577,290		9.90%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	83,111,255,305	132,680,287,805		37.36%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3,864,879,390	1,380,905,605	179.88%	
7	Chi phí tài chính	24,807,321,064	24,755,943,875	0.21%	
8	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>24,717,926,301</i>	<i>24,019,811,445</i>	2.91%	
9	Chi phí bán hàng	2,484,846,627	2,351,886,724	5.65%	
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	72,615,649,036	95,225,755,828		23.74%
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(12,931,682,032)	11,727,606,983		210.27%
12	Thu nhập khác	1,952,891,336	35,690,451,337		94.53%
13	Chi phí khác	3,351,934,116	6,249,664,644		46.37%
14	Lợi nhuận khác	(1,399,042,780)	29,440,786,693		104.75%
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(14,330,724,812)	41,168,393,676		134.81%
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,718,879,289	3,262,453,189		16.66%
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1,487,808,923	8,835,685,105		83.16%
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(18,537,413,024)	29,070,255,383		163.77%
19	Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	(14,113,845,531)	26,420,514,939		153.42%
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(4,423,567,493)	2,649,740,443		266.94%
21	(Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(913)	1,420		

Nguyên nhân giảm doanh thu và lợi nhuận sau thuế:

- Do ảnh hưởng của nghị định 63/2014 về quy định trong công tác đấu thầu, nên trong năm 2016 Công ty không được tham gia đấu thầu các công trình mà Chủ đầu tư là Tổng công ty đường sắt Việt Nam, do đó khối lượng công trình chuyển tiếp sang năm 2017 không lớn làm cho doanh thu giảm 15,38% và lợi nhuận năm 2017 của toàn Tổng công ty bị lỗ.

- Mặt khác, các công trình của các Công ty con trong năm 2017 chủ yếu làm thầu phụ, do đó lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ không có nên dẫn đến ảnh hưởng về lợi nhuận thuần về hoạt động SXKD.

2. Giải trình về chênh lệch trước và sau kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 về kết quả SXKD:

2.1 Đối với Báo cáo tài chính của Công ty mẹ:

TT	Chỉ tiêu	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán	Chênh lệch
1	2	3	4	5=3-4
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	211,697,743,676	211,697,743,676	0
2	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	211,697,743,676	211,697,743,676	0
3	Giá vốn hàng bán	177,166,419,431	177,166,419,431	0
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34,531,324,245	34,531,324,245	0
5	Doanh thu hoạt động tài chính	9,085,021,326	9,085,021,326	0
6	Chi phí tài chính	18,385,050,640	29,186,226,098	(10,801,175,458)
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28,025,427,268	36,052,673,575	(8,027,246,307)
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(21,622,554,102)	21,622,554,102
9	Thu nhập khác	286,170,550	286,170,550	0
10	Chi phí khác	93,406,137	93,406,137	0
11	Lợi nhuận khác	192,764,413	192,764,413	0
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2,601,367,924)	(21,429,789,689)	18,828,421,765
13	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2,601,367,924)	(21,429,789,689)	18,828,421,765

(*) Chỉ tiêu chi phí tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty 798 và Công ty 875 bị lỗ. Vì vậy Công ty mẹ phải thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn với số tiền là 10.801.175.458 đồng.

(*) Chi phí quản lý doanh nghiệp:

- Tại thời điểm kiểm toán, công tác đánh giá lại khả năng thu nợ của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác chưa thu hồi được. Do đó phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi dẫn đến tăng chi phí quản lý doanh nghiệp với số tiền là 8.424.489.972 đồng.

- Theo nghị quyết của HĐQT số 633/QĐ-CTĐS-HĐQT ngày 29 tháng 12 năm 2017 không trích lập thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2017, do đó làm giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

Với 2 nội dung ảnh hưởng nêu trên, dẫn đến lỗ SXKD trong năm 2017 tăng 18.828.421.765 đồng so với báo cáo đã lập chưa được kiểm toán.

2.2 Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất:

TT	Chỉ tiêu	Trước Kiểm toán	Sau Kiểm toán	Chênh lệch
1	2	3	4	5=3-4
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	563,269,858,904	563,237,830,919	32,027,985
2	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	563,237,830,919	563,237,830,919	0
3	Giá vốn hàng bán	466,962,767,600	480,126,575,614	(13,163,808,014)
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	96,275,063,319	83,111,255,305	13,163,808,014
5	Doanh thu hoạt động tài chính	3,864,879,390	3,864,879,390	0
6	Chi phí tài chính	24,780,736,636	24,807,321,064	(26,584,428)
7	Trong đó: Chi phí lãi vay	24,691,344,961	24,717,926,301	(26,581,340)
8	Chi phí bán hàng	2,484,846,627	2,484,846,627	0
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	65,609,560,993	72,615,649,036	(7,006,088,043)
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7,264,798,453	(12,931,682,032)	20,196,480,485
11	Thu nhập khác	1,253,272,513	1,952,891,336	(699,618,823)
12	Chi phí khác	3,342,284,834	3,351,934,116	(9,649,282)
13	Lợi nhuận khác	(2,089,012,321)	(1,399,042,780)	(689,969,541)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5,175,786,132	(14,330,724,812)	19,506,510,944
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3,199,139,810	2,718,879,289	480,260,521
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1,487,808,923	1,487,808,923	0
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	488,837,399	(18,537,413,024)	19,026,250,423
18	Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	638,128,448	(14,113,845,531)	14,751,973,979
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(149,291,049)	(4,423,567,493)	4,274,276,444
20	(Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	41	(913)	954

- Chỉ tiêu giá vốn hàng bán: Giá vốn hàng bán tăng lên 13.163.808.014 đồng, là do công tác đánh giá sản lượng thực hiện trong năm giảm so với đánh giá sản lượng trước thời điểm lập báo cáo tài chính chưa được kiểm toán chủ yếu của Công ty 798 và Công ty 875, do đó làm cho giá vốn hàng bán tăng lên.


- Chỉ tiêu quản lý doanh nghiệp: Là phần trích bổ sung dự phòng phải thu khó đòi của Công ty mẹ là 8.424.489.972 đồng và một số khoản điều chỉnh giảm về chi phí trích lập thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát.



Vậy, Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt xin được giải trình và làm rõ một số nguyên nhân chênh lệch báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán cũng như nguyên nhân dẫn đến lỗ SXKD năm 2017.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Hội đồng quản trị RCC;
- Ban Kiểm soát RCC;
- Lưu TCKT, VP.

TỔNG GIÁM ĐỐC 

Võ Văn Phúc